TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2020
V/v *"ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Phụng
2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huế, là thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Hương Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 856/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Phú Q, sinh năm 1975
Thường trú: Số 4 Đường M, Phường N, quận N, TP.HCM.
Tạm trú: Số 83 Đường H, Phường C, quận N, TP.HCM.
(*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1961
Thường trú: Số 4 Đường M, Phường N, quận N, TP.HCM.
Tạm trú: Số 83 Đường H, Phường C, quận N, TP.HCM
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 10/10/2019 và trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Phú Q trình bày:

Bà Võ Thị Phú Q và ông Nguyễn Hoàng N tự nguyện xây dựng gia đình năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố E, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 46 quyển số 01 ngày 27/3/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau tại địa chỉ số 4 Đường M, Phường N, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2012, nhà bán, vợ chồng bà chuyển về tạm trú tại địa chỉ số 83 Đường H, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Thời gian đầu mới kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bên nhà chồng, cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2013 thì mẫu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, ông N không giành sự quan tâm, chăm sóc đối với gia đình, vợ con. Cuộc sống tự ai nấy lo, vợ chồng sống chung nhà nhưng không sinh hoạt gia đình chung từ năm 2015 cho đến nay.

Nay, bà Q xác định tình cảm yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc và gắn bó giữa bà và ông Nam không còn, đời sống chung vợ chồng thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nam.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng H.M, sinh ngày 07/01/2004 và trẻ Nguyễn Hoàng B.C, sinh ngày 01/3/2009. Nguyện vọng của bà Quyên là được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ H.M và B.C cho đến khi hai trẻ đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông Nam có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q trình bày bà và ông N sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hoàng N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà Võ Thị Phú Q có đơn xin xét xử vắng mặt và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ do Tòa án thu thập và do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phú Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Phú Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại 83 Đường H, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn*:

Bà Võ Thị Phú Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn*:

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện bà Võ Thị Phú Q về yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông N như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, ông N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không làm bản tự khai để trình bày ý kiến của ông về việc muốn được đoàn tụ hay đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Q. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Võ Thị Phú Q và ông Nguyễn Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà Quyên và ông Nam là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân giữa bà Q và ông N chỉ hạnh phúc được khoảng 10 năm đầu sau khi kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân chủ yếu như bà Q trình bày là vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, bản thân ông N không giành sự quan tâm,

chăm sóc đối với gia đình, vợ con, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm, cuộc sống của ai tự người nấy lo, không còn sinh hoạt gia đình chung với nhau từ mấy năm nay. Bà Q xác định tình cảm dành cho ông N không còn, mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng nên khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Qua đó, cho thấy bản thân ông N cũng không còn quan tâm hay muốn níu kéo đối với cuộc hôn nhân này.

- *Về con chung*: có 02 (hai) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng H.M, sinh ngày 07/01/2004 và trẻ Nguyễn Hoàng B.C, sinh ngày 01/3/2009. Bà Q có nguyện vọng được nuôi hai trẻ H.M và B.C cho đến khi hai trẻ đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi hai trẻ H.M và B.C được sinh ra đến nay, bà Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai trẻ; hiện tại bà Q có đầy đủ khả năng để nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho hai con nên cần tiếp tục giao bà Q nuôi dưỡng hai trẻ cho đến khi hai trẻ đủ tuổi thành niên. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai trẻ là muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử cũng ghi nhận sự tự nguyện của bà Q về việc không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quyên về việc được ly hôn với ông Nam.

[3]. *Về án phí*: Bà Q phải chịu án phí vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Phú Q ly hôn ông Nguyễn Hoàng N.

- Về con chung: Có 02 (*hai*) con chung là trẻ Nguyễn Hoàng H.M, sinh ngày 07/01/2004 và trẻ Nguyễn Hoàng B.C, sinh ngày 01/3/2009. Giao bà Q tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ H.M và B.C cho đến khi hai trẻ đủ tuổi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Q về việc không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí của vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng, bà Võ Thị Phú Q phải chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042317 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Quyên đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- UBND phường Đ, thành phố E, tỉnh Ninh Thuận;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương Giang